

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Đợt: HK 2 (2020 - 2021)
Môn học phần: 0714002530 - Dịch vụ chăm sóc khách hàng

Ngày thi: / /2020
Nhóm:
Giờ thi:
Phòng:

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã LHP	Ký tên	Điểm		Ghi chú
							Bảng số	Bảng chữ	
1	20001424	Nguyễn Dương Phương	Anh	26/07/2005	20T4-QKS1		6.5	Sáu rưỡi	
2	20001418	Nguyễn Thị Trâm	Anh	28/08/2004	20T4-QKS1		4	Bốn chẵn	
3	20000585	Thái Tuấn	Anh	19/01/2005	20T4-QKS1		6	Sáu chẵn	
4	20001833	Nguyễn Ngọc Khánh	Đan	05/12/2005	20T4-QKS1		4	Bốn chẵn	
5	20000538	Tạ Quốc	Duy	13/09/2005	20T4-QKS1		0	Không chẵn	không nộp bài
6	20001496	Cao Thị Thu	Hà	17/08/2004	20T4-QKS1		0	Không chẵn	không nộp bài
7	20000575	Nguyễn Bảo	Hân	22/08/2004	20T4-QKS1		6.5	Sáu rưỡi	
8	20001370	Phún Tiến	Hào	01/08/2003	20T4-QKS1		8	Tám chẵn	
9	20000983	Lý Thanh	Hiếu	06/04/2005	20T4-QKS1		7	Bảy chẵn	
10	20000945	Trần Phúc	Khang	22/10/2005	20T4-QKS1		6.5	Sáu rưỡi	
11	20000319	Nguyễn Long	Khánh	28/06/2005	20T4-QKS1		6.5	Sáu rưỡi	
12	20001645	Phạm Bùi Thiên	Kim	29/04/2005	20T4-QKS1		7.5	Bảy rưỡi	
13	20000452	Nguyễn Thị Trúc	Linh	25/11/2005	20T4-QKS1		7	Bảy chẵn	
14	20001531	Tất Thang Ngọc	Loan	12/01/2005	20T4-QKS1		7	Bảy chẵn	
15	20000832	Nguyễn Gia	Minh	03/07/2005	20T4-QKS1		5	Năm chẵn	
16	20003175	Hồ Hoàng	My	03/06/2005	20T4-QKS1		4	Bốn chẵn	
17	20002013	Ngô Hải	My	26/11/2005	20T4-QKS1		6	Sáu chẵn	
18	20000864	Nguyễn Thanh	Ngân	28/10/2005	20T4-QKS1		6	Sáu chẵn	
19	20000446	Trần Thanh	Ngân	14/05/2004	20T4-QKS1		5.5	Năm rưỡi	
20	20001009	Chương Như	Ngọc	10/10/2005	20T4-QKS1		7	Bảy chẵn	
21	20001536	Trương Thị Phương	Nhi	14/11/2005	20T4-QKS1		7	Bảy chẵn	
22	20000314	Bùi Thái	Phúc	22/05/2005	20T4-QKS1		7	Bảy chẵn	
23	20000756	Lý Hồng	Phúc	31/07/2002	20T4-QKS1		7	Bảy chẵn	
24	20000074	Đinh Ngọc Xuân	Phương	10/02/2005	20T4-QKS1		7.5	Bảy rưỡi	
25	20005842	Nguyễn Minh	Quân	19/11/2004	20T4-QKS1		4	Bốn chẵn	
26	20000980	Vòng Sìn	Quý	10/09/2005	20T4-QKS1		4	Bốn chẵn	
27	20000182	Võ Diễm	Quỳnh	16/11/2005	20T4-QKS1		4	Bốn chẵn	
28	20002148	Vũ Ngọc Diễm	Quỳnh	13/10/2005	20T4-QKS1		7	Bảy chẵn	
29	20005195	Tạ Minh	Tâm	03/11/2004	20T4-QKS1		4	Bốn chẵn	
30	20000222	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	09/07/2005	20T4-QKS1		5	Năm chẵn	
31	20000464	Phùng Thị Hoài	Thu	03/09/2005	20T4-QKS1		7	Bảy chẵn	
32	20000252	Lê Trần Minh	Thư	01/06/2005	20T4-QKS1		8	Tám chẵn	
33	20000343	Nguyễn Thị Hà	Tiên	06/12/2005	20T4-QKS1		8.5	Tám rưỡi	
34	20001228	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	22/03/2005	20T4-QKS1		0	Không chẵn	không nộp bài
35	20000077	Trần Thị Ngọc	Trinh	29/01/2005	20T4-QKS1		7.5	Bảy rưỡi	
36	20001231	Trần Thanh	Trúc	23/09/2005	20T4-QKS1		7	Bảy chẵn	

37	20001035	Chế Đan	Trường	06/03/2005	20T4-QKS1		5	Năm chẵn	
38	20000109	Lu Kim	Tuyền	30/07/2005	20T4-QKS1		5	Năm chẵn	
39	20001299	Đào Ngọc Thảo	Vy	19/07/2004	20T4-QKS1		8	Tám chẵn	
40	20000245	Trương Ngọc Bảo	Vy	30/09/2005	20T4-QKS1		6	Sáu chẵn	
41	20001441	Lương Thị Như	Ý	06/02/2005	20T4-QKS1		8	Tám chẵn	
42	20001497	Nguyễn Ngọc Kim	Yến	30/04/2005	20T4-QKS1		5.5	Năm rưỡi	
43	20004698	Phạm Thị Bích	Ngọc				0	Không chẵn	nợ học phí, không nộp bài

Ghi chú:

Danh sách gồm..... sinh viên.

Số dự kiểm tra là sinh viên.

Số vắng kiểm tra là sinh viên.

Cán bộ chấm thi 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Thị Ngọc Dung

Cán bộ chấm thi 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Mỹ Tiên

TP. HCM, ngày tháng năm 20.....
Trưởng khoa
(Ký và ghi rõ họ tên)

TS. Nguyễn Trọng Nghĩa